

Phụ lục: CHI TIẾT THÔNG TIN, YÊU CẦU VỀ HÀNG HÓA LẤY BÁO GIÁ
(Kèm theo Thư ngỏ số **3391** /DNA-TTV ngày **01** /10/2026)

Số: ; 01/10/2026; 14:39:22; +07:00

STT	Tên hàng hóa	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thuế VAT (%)	Thành tiền (Bao gồm VAT)	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Tiến độ cung cấp	Bảo hành/ HSD	Tài liệu kèm theo	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Đơn hàng số 1:	Mặt bằng tải, vật tư nổi bằng tải các loại											
1	Mặt bằng tải	B1000x4EP150x(8+4)x18mm	Mét	250						≤60 ngày			
2	Mặt bằng tải	B2600x(EP1200/4)x30mmx44600mm	Bộ	1						≤60 ngày			
3	Mặt bằng tải chịu mài mòn	B1000x4EP200x(6.5+1.5)x14mm	Mét	680						≤60 ngày			
4	Mặt bằng tải chịu mài mòn	B1000xST1800x(7+4)x16mm; Vật liệu cao su mặt DIN X; số lượng sợi cáp 79, cấu hình cáp 7x7, đường kính ngoài cáp 5mm, bước cáp 12mm, độ cứng cao su Shore A 65±5. Độ mài mòn cao su ≤ 120mm ³ , Độ bền kéo đứt ≥ 25MPa, Độ giãn dài khi đứt ≥ 450%	Mét	2000						≤60 ngày			
5	Mặt bằng tải chịu mài mòn	B500x4NN200x(4.5+1.5)x12mm	Mét	2						≤60 ngày			
6	Mặt bằng tải chịu mài mòn	B500x5EP200x(4.5+1.5)x11mm; tai bèo cao 50mm; chịu nhiệt độ 70°C	Mét	120						≤60 ngày			
7	Mặt bằng tải chịu mài mòn	B800x4EP150x(7+3)x16mm	Mét	435						≤60 ngày			
8	Mặt bằng tải chịu mài mòn	B800x4EP200x(4.5+1.5)x12mm	Mét	150						≤60 ngày			
9	Mặt bằng tải chịu mài mòn	B800x4EP400x(7+3)x16mm	Mét	620						≤60 ngày			
10	Mặt bằng tải chịu mài mòn	B800xEP400/4x(8+2)x16mm	Mét	90						≤60 ngày			
11	Mối dán băng tải	Dùng cho băng tải bố vải B1000 dày 18mm; 1 mối bao gồm: 3 lít keo dán lưu hóa, 1.5 mét cao su non (1mm) 1.2 mét cao su non (2mm)	Mối	8						≤60 ngày			
12	Mối dán băng tải	Dùng cho băng tải bố vải B1000; 1 mối bao gồm: 3 lít keo dán lưu hóa, 1.5 mét cao su non (1mm) 1.2 mét cao su non (2mm)	Mối	6						≤60 ngày			
13	Mối dán băng tải	Dùng cho băng tải bố vải B500; 1 mối bao gồm: 3 lít keo dán lưu hóa, 1,5 mét cao su non (1mm) 1.2 mét cao su non (2mm)	Mối	6						≤60 ngày			
	Tổng cộng												